

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN SÔNG HÌNH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HS-ST
Ngày 26/8/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HÌNH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Hòa.
- Bà Nguyễn Thị Ái Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Kim Vinh – Thẩm tra viên chính Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Đào Vương Tuấn - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2020/TLST-HS ngày 31 tháng 7 năm 2020, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2020/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2020 đối với bị cáo:

Y Đ, sinh ngày 16 tháng 4 năm 1993, tại: P; Nơi cư trú: Làng N, xã H, huyện C, tỉnh G; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Hà Roi; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Y Ê (đã chết) và bà Hờ Y, sinh năm 1967; Vợ: Alê Hờ N, sinh năm 1996 (đã ly hôn); Con: 02 con, lớn sinh năm 2012, nhỏ sinh năm 2020; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại, có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo:** Bà Nguyễn Thị Khánh D – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Phú Yên. Có mặt.

*** Người bị hại:** A Lê Hờ N, sinh năm 1996. Trú tại: Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

*** Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại:** Bà Trần Thị Như T – Luật sư Văn phòng D thuộc Đoàn luật sư tỉnh P. Vắng mặt có đơn xin xử vắng mặt.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Hờ Y, sinh năm 1967. Trú tại: Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

2. A Lê Hờ Đ, sinh năm 1974. Trú tại: Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh P. Có

mất.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Năm 2011, Y Đ và A Lê Hồ N có quan hệ tình cảm yêu đương; từ khoảng tháng 8 đến tháng 11 năm 2011, Y Đ đã hai lần thực hiện hành vi giao cấu với Alê Hồ N tại khu vực trường tiểu học và sân bể nước sạch ở Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh P. Bị gia đình phát hiện, gia đình Hồ N và Y Đ tổ chức đám cưới theo phong tục người Ê Đê nhưng không đăng ký kết hôn vì Hồ N chưa đủ tuổi. Sau đám cưới, Y Đ và Hồ N chung sống với nhau như vợ chồng tại nhà A Lê Hồ Đâu (mẹ đẻ của Hồ N) thuộc Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh P, thời gian này Y Đ nhiều lần thực hiện hành vi giao cấu với Hồ N làm Hồ N có thai. Đến ngày 19 tháng 4 năm 2012, Hồ N sinh cháu gái đặt tên là A Lê Quách L. Quá trình chung sống đến tháng 12 năm 2019, Y Đ và Hồ N phát sinh mâu thuẫn, Hồ N làm đơn xin ly hôn gửi Tòa án nhân dân huyện Sông Hình yêu cầu giải quyết. Phát hiện hành vi của Y Đ có dấu hiệu giao cấu với trẻ em nên Tòa án nhân dân huyện Sông Hình đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Sông Hình để xử lý theo thẩm quyền.

Tại kết luận giám định số 152/C09C (Đ5) ngày 26/02/2020 của Phân viện kỹ thuật hình sự tại Đà Nẵng kết luận cháu A Lê Quách L là con đẻ của Y Đ và A Lê Hồ N.

Quá trình điều tra Y Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bồi thường cho bị hại Hồ N 1.000.000 đồng, bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt.

Quá trình điều tra bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Tại bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 28/7/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hình, tỉnh Phú Yên truy tố bị cáo về tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại các điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999.

Tại phiên toà:

Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã khai tại Cơ quan điều tra và theo nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố. Chỉ vì nhận thức pháp luật hạn chế bị cáo có hành vi giao cấu với người đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi. Quan hệ giữa hai bên là tự nguyện, khi đủ tuổi có đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Thống nhất với bản luận tội của kiểm sát viên về tính chất mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như mức hình phạt đưa ra.

Người bị hại chị Hồ N trình bày: Y Đ thực hiện hành vi giao cấu với chị Hồ N là tự nguyện, cả hai chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn,

sau vì phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly hôn, mong Tòa xem xét giảm nhẹ cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự không có yêu cầu.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp của bị hại vắng mặt có luận cứ bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị hại: Xin cho bị cáo hưởng án treo; Đề nghị ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận bồi thường về dân sự số tiền 1.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Y và A Lê Hồ Đ thống nhất trình bày: Khi thấy Y Đ và Hồ N có quan hệ tình cảm, tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục người Ê Đê để Y Đ và Hồ N chung sống với nhau như vợ chồng. Chỉ vì nhận thức pháp hạn chế không biết hành vi giao cấu với người chưa thành niên là phạm tội mong toà xem xét.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Y Đ phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”; Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999; điểm b, s, m khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 65 Bộ luật hình sự 2015; xử phạt bị cáo Y Đ từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm, tính từ ngày tuyên án.

Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng.

Về án phí: Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sông Hinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, tuân thủ đầy đủ theo quy định của thủ tục tố tụng về thu thập tài liệu, chứng cứ của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không ai có ý kiến hoặc khiếu nại đối với hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra và phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng tháng 8 – 11 năm 2011, Y Đ và Hờ N có quan hệ tình cảm, Y Đ đã 02 lần giao cấu với Hờ N; bị gia đình hai bên phát hiện nên tổ chức đám cưới theo phong tục người Ê Đê, từ đó Y Đ và Hờ N chung sống với nhau như vợ chồng tại Buôn N, xã E, huyện S, tỉnh P. Thời gian này Y Đ nhiều lần giao cấu với Hờ N làm Hờ N có thai và sinh ra cháu A lê Quách L sinh ngày 19/4/2012, tính đến thời gian giao cấu lần đầu Hờ N hơn 13 tuổi, tính đến ngày 19/4/2012 Hờ N chưa đủ 16 tuổi. Từ những căn cứ trên Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định Y Đ đã có hành vi giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi nhiều lần và làm nạn nhân có thai. Hành vi của bị cáo cấu thành tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999.

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện tại thời điểm bộ luật hình sự 1999 có hiệu lực thi hành, bị phát hiện vào thời điểm Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi 2017 có hiệu lực, Tội “giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi” theo quy định tại Điều 145 Bộ luật hình sự 2015 quy định không có lợi cho người phạm tội so tội “giao cấu với trẻ em” quy định tại điều 115 Bộ luật hình sự. Việc truy tố, xét xử bị cáo đối với tội “Giao cấu với trẻ em” theo quy định tại Điều 115 Bộ luật hình sự 1999 là có lợi cho người phạm tội. Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 28 tháng 7 năm 2020 của VKSND huyện Sông Hinh truy tố bị cáo về tội “*Giao cấu với trẻ em*” theo quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Hành vi phạm tội của bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền được bảo vệ về nhân phẩm, danh dự của trẻ em. Bị cáo phạm tội nhiều lần và làm nạn nhân có thai thuộc tình tiết định khung quy định tại điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999 cần xử lý một mức án nghiêm khắc để cải tạo bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

[4] Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

* Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

* Tình tiết giảm nhẹ:

- Trong quá trình tố tụng, bị cáo đã thành khẩn khai báo và tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải, đã bồi thường cho người bị hại nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

- Bị cáo là người dân tộc thiểu số sống trong vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn nên nhận thức pháp luật còn hạn chế, trình độ học vấn thấp lớp 02/12, do đời sống xã hội nên kém hiểu biết về pháp luật, không được học tập, không có điều kiện thực tế để nhận biết các đúng sai trong cuộc sống... hành động theo

phong tục, tập quán, tín ngưỡng, thói quen cổ hủ, lạc hậu mà không biết là mình phạm tội nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội do lạc hậu” quy định tại điểm m khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

- Bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015

[5] Về hình phạt: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhiều tình tiết quy định tại điểm b, s, m khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015; Bị cáo phạm tội lần đầu, có nơi cư trú rõ ràng; Xét thấy không cần thiết phải bắt chấp hành hình phạt tù vì người phạm tội có khả năng tự cải tạo và việc cho họ hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội; không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo được hưởng án treo. Xét thấy đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Căn cứ Điều 65 Bộ luật hình sự, cho bị cáo Y Đ được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là đủ nghiêm, thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng của Nhà nước.

[6] Về xử lý vật chứng: Không.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ điểm a, d khoản 2 Điều 115 Bộ luật hình sự 1999, điểm b, s, m khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

- Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Y Đ phạm tội “*Giao cấu với trẻ em*”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Y Đ 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Y Đ cho Ủy ban nhân dân xã Hưng Nghĩa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách, trường hợp thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 và 68 Luật thi hành án hình sự. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải

chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về trách nhiệm dân sự: Ghi nhận sự tự nguyện bồi thường của bị cáo cho bị hại số tiền 1.000.000 đồng.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Y Đ phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND H.Sông Hinh (2);
- Công an H.Sông Hinh;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Lưu Chúc